

Số: 149 /KL-TTr

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA
Tổ chức và hoạt động Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước

Thực hiện Quyết định 71/QĐ-TTr ngày 13/6/2017 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về thanh tra đối với tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, từ ngày 22/6/2017 đến ngày 29/6/2017, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 31/7/2017 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. Việc thành lập, cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động của Trung tâm

1. Quá trình thành lập và hoạt động

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 2428/1998/QĐ.CT.UBT ngày 03/7/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 22/4/2008, UBND tỉnh có Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 về việc đổi tên Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Đồng Nai thành Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng. Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, UBND tỉnh và sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 và Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý xác định vị trí pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, thủ tục thành lập Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các Chi nhánh Trợ giúp pháp lý, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20/6/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai; hiện nay Trung tâm được tổ chức và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai (*Quyết định này thay thế Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND*).

Hiện Trung tâm thực hiện Quy chế làm việc do Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-STP ngày 16/9/2016. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai đã ban hành Bản phân công nhiệm vụ số 217/TGPL ngày 05/10/2016 đối với viên chức, người lao động của Trung tâm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Về tổ chức bộ máy và biên chế

Trung tâm và Chi nhánh Trợ giúp pháp lý các huyện, thị xã Long Khánh được giao biên chế là 32 người theo Quyết định số 5202/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai, thực tế sử dụng là 23 biên chế (*bao gồm cả 02 nhân viên làm việc theo Hợp đồng lao động*). Cụ thể:

- Trung tâm có 10 biên chế như sau:

+ Phó Giám đốc Trung tâm: 01 biên chế.

+ Phòng Nghiệp vụ: 05 biên chế (*01 Trợ giúp viên pháp lý - Phụ trách Phòng, 03 Trợ giúp viên pháp lý, 01 Chuyên viên*).

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp: 04 biên chế (*01 Trợ giúp viên pháp lý - Phụ trách Phòng, 01 Chuyên viên, 01 Kế toán, 01 Nhân viên hợp đồng dài hạn làm công tác tạp vụ*).

- Chi nhánh Trợ giúp pháp lý các huyện, thị xã Long Khánh được giao 13 biên chế (*gồm 05 Trưởng Chi nhánh, 05 Trợ giúp viên pháp lý và 03 Chuyên viên*). Đối với Chi nhánh TGPL các huyện Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Trảng Bom do chưa có nguồn để bổ nhiệm Trưởng Chi nhánh nên Giám đốc Trung tâm giao cho Trợ giúp viên pháp lý tại Chi nhánh TGPL các huyện Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ phụ trách, trong đó Trợ giúp viên pháp lý làm việc tại Chi nhánh TGPL huyện Thống Nhất kiêm nhiệm làm việc tại Chi nhánh TGPL huyện Trảng Bom.

- **Trình độ lý luận chính trị:** Cao cấp chính trị: 02/23 viên chức; Cử nhân chính trị: 01/23 viên chức; Trung cấp chính trị: 4/23 viên chức.

- **Bồi dưỡng nghiệp vụ và bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý**

Trong năm 2015 và năm 2016, Trung tâm lập 02 hồ sơ đề tham mưu Sở Tư pháp tỉnh ban hành Quyết định cử viên chức tham gia khóa đào tạo Trợ giúp viên pháp lý tại Hà Nội, do Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp tổ chức; lập 02 hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý đối với bà Nguyễn Ngọc Huyền, bà Hoàng Minh Thư – viên chức Trung tâm.

- **Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên và xét nâng lương vượt khung đối với viên chức**

Trong năm 2015 và 2016, Trung tâm thực hiện nâng bậc lương thường xuyên đối với 08 viên chức, người lao động và thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 04 viên chức theo quy định.

- **Các trường hợp chuyển công tác và xin thôi việc:**

+ Ông Võ Quang Tự (*Phụ trách Chi nhánh Trợ giúp pháp lý huyện Trảng Bom*) chuyển công tác đến làm việc tại Phòng Tư pháp huyện Trảng Bom từ ngày 01/8/2015.

+ Ông Nguyễn Trung Tá, chuyển công tác đến làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc từ ngày 01/8/2016.

+ Ông Nguyễn Duy Phương (làm việc tại Chi nhánh Trợ giúp pháp lý Cẩm Mỹ), thôi việc từ ngày 01/9/2016.

- Các trường hợp làm việc theo Hợp đồng lao động

+ Trường hợp bà Phan Thị Thơm làm việc tại Chi nhánh Trợ giúp pháp lý huyện Trảng Bom theo Hợp đồng xác định thời hạn.

+ Trường hợp bà Trần Thị Kim Nga làm việc tại Trung tâm theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

2.2. Về hoạt động

Trung tâm thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Nghị định số 80/2015/NĐ-CP ngày 17/9/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2013/NĐ-CP; Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý; Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ Tư pháp ban hành Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Trung tâm thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước do ngân sách cấp thực hiện theo quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản đối với đơn vị sự nghiệp và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm (Quyết định số 07/QĐ-TGPL ngày 14/01/2015 và Quyết định số 08/QĐ-TGPL ngày 11/01/2016).

Hàng năm, Trung tâm đã tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

* **Về điều kiện trụ sở:** Trung tâm có trụ sở, cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết để hoạt động.

II. Tình hình, kết quả hoạt động (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016)

1. Năm 2015

Trung tâm đã thụ lý 1247 vụ việc trợ giúp pháp lý, trong đó:

- Chia theo người thực hiện trợ giúp pháp lý: Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 1245 vụ việc; Luật sư cộng tác viên thực hiện: 02 vụ việc.

- Chia theo hình thức thực hiện trợ giúp viên pháp lý: Tư vấn, hướng dẫn, giải đáp pháp luật: 1173 vụ việc; Tham gia tố tụng 65 vụ việc; Đại diện ngoài tố tụng 08 vụ việc; Hòa giải: 01 vụ việc.

- Chia theo địa điểm thực hiện trợ giúp pháp lý: tại trụ sở Trung tâm là 139 vụ việc; tại các Chi nhánh: 831; lưu động: 279 vụ việc.

- Chia theo lĩnh vực thực hiện trợ giúp pháp lý: pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự: 88 trường hợp; pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự: 379; pháp luật về hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em: 222; pháp luật về hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính: 74; pháp luật về đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng: 341; pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm: 20; pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi: 59; các lĩnh vực pháp luật khác: 64.

Đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho 1247 lượt người, trong đó:

- Chia theo diện người được trợ giúp pháp lý: 187 trường hợp đối với người nghèo; 123 trường hợp đối với người có công với cách mạng; 27 trường hợp đối với người già cô đơn không nơi nương tựa; 97 trường hợp đối với người khuyết tật; 04 trường hợp đối với trẻ em; 117 trường hợp đối với người dân tộc thiểu số; 02 trường hợp đối với nạn nhân buôn bán người, nạn nhân của bạo lực gia đình; 01 trường hợp đối với người bị nhiễm HIV; các diện khác là 689 trường hợp.

- Chia theo giới tính người được trợ giúp pháp lý: 631 nữ; 616 nam.

Trợ giúp pháp lý lưu động: trong năm 2015, Trung tâm và Chi nhánh Trợ giúp pháp lý các huyện, thị xã đã tiến hành các đợt trợ giúp pháp lý lưu động theo kế hoạch đã ban hành đúng tiến độ, cụ thể: Tổng cộng đã thực hiện 103 buổi với 5348 lượt người tham dự, thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn đối với 279 vụ việc cụ thể.

2. Năm 2016

Trung tâm đã thụ lý 488 vụ việc, trong đó:

- Chia theo người thực hiện trợ giúp pháp lý: Trợ giúp viên pháp lý thực hiện: 487 vụ việc; Luật sư cộng tác viên thực hiện: 01 vụ việc.

- Chia theo hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý: Tư vấn, hướng dẫn, giải đáp pháp luật: 417 vụ việc; Tham gia tố tụng 66 vụ việc (*trong đó, có 11 vụ việc hình sự; 44 vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình; 11 vụ việc hành chính*); Đại diện ngoài tố tụng 05 vụ việc.

- Chia theo lĩnh vực thực hiện trợ giúp pháp lý: pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự: 35 vụ việc; pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình: 203 vụ việc; pháp luật về hành chính: 183 vụ việc; các lĩnh vực pháp luật khác: 67 vụ việc.

* Tổng số người được trợ giúp pháp lý: 488 đối tượng (*không tính số lượng đối tượng tư vấn không thuộc diện hưởng chính sách Trợ giúp pháp lý miễn phí*), trong đó:

- Chia theo diện người được trợ giúp pháp lý: Người nghèo - 183; Người dân tộc thiểu số - 99; Người dân tộc thiểu số vừa là người nghèo - 01; Người có

công với cách mạng - 114; Người già cô đơn không nơi nương tựa - 19; Người khuyết tật - 70; Người bị nhiễm HIV - 02.

- Chia theo giới tính người được trợ giúp pháp lý: 214 Nữ, 274 Nam.

* Hoạt động trợ giúp pháp lý ở cơ sở

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tại Chi nhánh: 396 vụ việc (*không tính số vụ việc đối tượng khác không được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý*). Trong đó: Trợ giúp viên pháp lý thực hiện: 396 vụ việc (*Tư vấn: 366 vụ việc, 29 tố tụng, 01 đại diện ngoài tố tụng*).

- Trợ giúp pháp lý lưu động: Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-STP ngày 18/01/2016 về công tác trợ giúp pháp lý năm 2016, Chi nhánh TGPL các huyện, thị xã Long Khánh đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ về trợ giúp pháp lý ở cơ sở, trong năm 2016 đã thực hiện 60 buổi TGPL lưu động có 4.179 người tham dự (*1.078 người thuộc diện được TGPL*), tư vấn được 191 vụ việc (*trong đó 64 vụ việc TGPL cho người thuộc diện được TGPL*).

III. Kết quả thanh tra

1. Về tổ chức

a) Việc thành lập và đăng ký hoạt động

Qua kiểm tra hồ sơ, Trung tâm đã cung cấp đầy đủ hồ sơ thành lập và tổ chức hoạt động. Việc thành lập và tổ chức hoạt động của Trung tâm thực hiện đúng quy định pháp luật.

b) Việc chấp hành quy định pháp luật về thực hiện hợp đồng lao động; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Trung tâm đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về lao động (*chế độ tiền lương, hợp đồng lao động và chế độ bảo hiểm*) đối với viên chức, người lao động đang làm việc tại Trung tâm và các Chi nhánh.

2. Việc chấp hành chế độ tài chính, lập sổ sách, lưu trữ hồ sơ

2.1. Về chấp hành chế độ tài chính

2.1.1. Đối với kinh phí tự chủ

Trong niên hạn thanh tra, Trung tâm sử dụng kinh phí chi cho con người dùng để chi thu nhập tăng thêm (*Cụ thể: năm 2015 chi 22.486.858 đồng; năm 2016 chi 118.583.230 đồng*).

2.1.2. Đối với kinh phí không tự chủ

- Khi xây dựng chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ không tự chủ, Trung tâm không gửi cho đơn vị cấp chủ quản và Sở Tài chính.

- Chi tiền báo cáo viên đối với Hội nghị tổng kết không đúng quy định tại Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*Cụ thể:*

chi 600.000 đồng).

- Chi mua sắm tài sản vượt thẩm quyền phê duyệt theo Quyết định số 92/2009/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai. Cụ thể: Gói mua sắm tài sản (với số tiền là 96.739.500 đồng) thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Sở, ban ngành cấp tỉnh và mua sắm tài sản vượt định mức theo quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập (vượt 2.739.500 đồng).

- Việc chi biên soạn tài liệu truyền thông:

Theo quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước, việc chi cho biên soạn tài liệu truyền thông quy định như sau:

“Chi truyền thông: Làm Bảng thông tin, Hộp tin trợ giúp pháp lý, in ấn tờ gấp pháp luật, cẩm nang pháp luật, sổ tay, sách nghiệp vụ và các ấn phẩm, tài liệu trợ giúp pháp lý khác, biểu mẫu, mẫu đơn từ, giấy tờ phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý; chi truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: áp dụng chế độ, định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự”.

Khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở quy định về nội dung chi biên soạn tài liệu truyền thông (đài phát thanh) như sau:

“2. Chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm:

a) Xây dựng chương trình, chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài phát thanh, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin;

b) Thực hiện thông cáo báo chí, bao gồm: Chi biên soạn tài liệu và văn phòng phẩm phục vụ hoạt động thông cáo báo chí; chi tổ chức họp báo, phát hành, đăng tải thông cáo báo chí trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Thông qua băng rôn, khẩu hiệu, pano, áp phích và các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác;

d) Thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, bao gồm: biên soạn tin, bài phục vụ việc phát thanh; thù lao cho phát thanh viên; hỗ trợ trang bị hoặc thuê trang thiết bị phục vụ việc phát thanh tin, bài phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật”.

3. Chi biên soạn, biên dịch các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm:

a) Biên soạn đề cương giới thiệu Luật, Pháp lệnh;

b) Biên soạn, in, phát hành hoặc đăng tải trên website, trang tin điện tử các loại sách, tài liệu pháp luật nghiên cứu chuyên đề, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật phục vụ đối tượng là báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật và đội ngũ cán bộ thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật;

c) Biên soạn, in, phát hành hoặc đăng tải trên website, trang tin điện tử các sách pháp luật phổ thông, tờ gấp pháp luật, câu chuyện pháp luật, băng, đĩa, tiểu phẩm pháp luật và các tài liệu khác phù hợp từng đối tượng cụ thể;

d) Biên dịch, in và phát hành tài liệu pháp luật bằng tiếng dân tộc thiểu số;

đ) Biên dịch tài liệu pháp luật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

e) Chi biên soạn tài liệu tham khảo và hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng chương trình, rà soát, cập nhật chương trình bài giảng cho nhà giáo và người học”.

Về mức chi truyền thông, tại Điều e, Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 quy định:

“Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật và phục vụ công tác thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm:

- Chi biên soạn đề cương (hoặc bài giảng) giới thiệu Luật, Pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật để phát hành hoặc đăng tải trên website, trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp (theo mức đối với ngành đào tạo đại học, cao đẳng). Đối với sách, tài liệu hệ thống hóa các văn bản pháp luật thực hiện theo mức chi đối với ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp;

- Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tạp san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin, thực hiện theo định mức, đơn giá của

các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm”.

Mức chi cụ thể về biên soạn tài liệu phát thanh áp dụng mức chi tương đương theo quy định tại Điểm a, Mục 8 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP (*Biên soạn tài liệu phục vụ truyền thông trên đài phát thanh*). Mức chi “**biên soạn tài liệu truyền thông**” và “**tài liệu chuyên đề pháp luật**” là thuộc hai loại nội dung chi khác nhau (*Điểm d, Khoản 2, Điều 4 và Khoản 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014*).

Như vậy, nếu nội dung chi là **Biên soạn tài liệu truyền thông (truyền thông qua loa phát thanh)** phải căn cứ Điểm k, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 209/2012/TTLT-BTC-BTP, viện dẫn qua Điểm d Khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP (nội dung chi), Đoạn thứ 2 thuộc Điểm e, Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP và áp dụng mức chi cụ thể tại Điểm a Mục 8 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP (mức chi cụ thể).

Căn cứ trên hồ sơ, chứng từ và giải trình của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai, việc Trung tâm thực chi theo mức chi về “biên soạn tài liệu truyền thông” và áp dụng mức chi theo quy định tại Điểm k, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 209/2012/TTLT-BTC-BTP là phù hợp. Tuy nhiên, khi viện dẫn sang áp dụng tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP thì không xác định nội dung chi mà chỉ xác định, áp dụng mức chi theo quy định tại Đoạn thứ nhất Điểm e Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP là “**chi tài liệu chuyên đề pháp luật**” thuộc mức chi về “***Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật***”, mức chi này thuộc nội dung chi quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP (*không phải là chi biên soạn tài liệu truyền thông*) và tiếp tục viện dẫn thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính Quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp là không phù hợp.

Mức chi sai cụ thể như sau:

Năm 2015:

+ Thực tế chi: 933 trang x 130.000 đồng/trang = 121.290.000 đồng.

+ Theo quy định: 933 trang x 75.000 đồng/trang = 69.975.000 đồng.

Số tiền chênh lệch là: 51.315.000 đồng.

Năm 2016:

+ Thực tế chi: 705 trang x 130.000 đồng/trang = 91.650.000 đồng.

+ Theo quy định: 705 trang x 75.000 đồng/trang = 52.875.000 đồng.

Số tiền chênh lệch là: 38.775.000 đồng.

2.2. Về thực hiện quy định về mở sổ theo dõi, lưu trữ hồ sơ và niêm yết

- Trung tâm đã mở sổ theo quy định của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên còn có sai sót như: vừa mở Sổ theo dõi vụ việc tham gia tố tụng, vừa mở Sổ tư vấn; không thực hiện chốt sổ hàng tháng; không ghi đầy đủ thông tin vào các cột Sổ theo quy định.

- Nhiều hồ sơ lưu trữ không bảo đảm theo quy định tại Điều 44 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 và Khoản 1, 4 Mục II, Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/09/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, pháp luật về lưu trữ (*không có danh mục các tài liệu có trong hồ sơ, sắp xếp tài liệu trong hồ sơ chưa phù hợp ...*).

- Trung tâm đã thực hiện quy định về niêm yết tại Mục V, Phần A Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/09/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý (*như: Lịch tiếp dân; Nội quy tiếp và làm việc; Những đối tượng thuộc diện người được trợ giúp pháp lý; Các quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; Các quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý; Thủ tục hành chính về công tác trợ giúp pháp lý...*).

3. Việc chấp hành chế độ thông tin báo cáo

Trung tâm thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ theo quy định tại Điều 15 Luật Trợ giúp pháp lý, Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp.

4. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Trung tâm đã mở Sổ theo dõi khiếu nại, tố cáo. Trong năm 2016, có 01 trường hợp khiếu nại liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý. Cụ thể: bà Lê Thị Tiến, ngụ tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nội dung tố cáo liên quan đến bà Lê Ánh Hồng - Trợ giúp viên pháp lý huyện Tân Phú có hành vi hăm dọa, vi phạm đạo đức công vụ nghề nghiệp trong quá trình trợ giúp pháp lý. Qua làm việc với bà Tiến, Trung tâm đã hướng dẫn, giải thích cho bà Tiến các quy định về đối tượng được trợ giúp pháp lý và các quy định pháp luật liên quan đến vụ việc. Kết quả làm việc: người tố cáo đã hiểu rõ các quy định pháp luật liên quan đến vụ việc và rút đơn tố cáo.

5. Kết quả kiểm tra nghiệp vụ trợ giúp pháp lý

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra đối với các hồ sơ trợ giúp pháp lý. Qua kiểm tra, đa số các hồ sơ trợ giúp pháp lý cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật liên quan. Tuy nhiên, Trung tâm vẫn còn tồn tại một số sai sót trong quá trình hoạt động trợ giúp pháp lý. Cụ thể như sau:

5.1. Hoạt động tham gia tố tụng

- Hồ sơ HS.TT.TT.21/2014: Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý còn nhiều lỗi chính tả.

- Một số hồ sơ ban hành quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng không bảo đảm thời hạn theo quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật Trợ giúp pháp lý (Hồ sơ: ông Ngô Hữu Ái – 41/2015, bà Nguyễn Thị Em – 45/2015, ông Nguyễn Đức Ty – 47/2015, ông Vũ Văn Khải – 10/2015, bà Dương Thị Sớm – 20/2015).

- Có trường hợp hồ sơ lưu bản chính các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý (như: Hồ sơ trợ giúp pháp lý ngày 27/01/2015: Trợ giúp viên Lê Ánh Hồng tư vấn bằng văn bản cho bà Phạm Thị Thu Nga - lưu bản chính Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Hồ sơ ĐĐ.TT.CN 43/2015: lưu bản chính Giấy triệu tập đương sự).

- Hồ sơ DS.TT.TT.022/2015: Không thực hiện đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Hồ sơ DS.TT.TT.24/2015:

+ Không có Phiếu đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng.

+ Không có tài liệu thể hiện trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

(Người thực hiện đánh giá giải trình: trong 02 ngày làm việc chỉ mới làm thủ tục bảo vệ và nghiên cứu hồ sơ, sau đó vụ án này đã bị đình chỉ nên không tham gia trợ giúp pháp lý, không thực hiện đánh giá).

- Hồ sơ HS.TT.TT.25/2015:

+ Ngày 07/7/2015, Trung tâm ra Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý. Ngày 10/7/2015, Tòa án nhận được và tổng đạt đến bị cáo. Ngày 13/7/2015, bị cáo gặp mẹ. Ngày 14/7/2015, bị cáo trình bày không yêu cầu Trợ giúp viên bào chữa. Ngày 27/7/2015, Tòa án thông báo về việc bị cáo từ chối bào chữa. Nhưng Phiếu đánh giá: làm thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa và nghiên cứu hồ sơ 04 ngày (09/7, 20/7, 23/7, 27/7) và xác minh vụ việc, gặp bị can: 02 ngày (14/7, 16/7) để lập thủ tục thanh toán là chưa phù hợp.

- Hồ sơ HS.TT.CN.36/2015:

Không thể hiện trách nhiệm của Chi nhánh Trung tâm và Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng, cụ thể như sau:

+ Ngày 22/9/2015: có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý nêu rõ xử phúc thẩm vào ngày 30/9/2015.

+ Ngày 26/9/2015: gửi hồ sơ qua Bưu điện về Trung tâm Trợ giúp pháp lý.

+ Ngày 27/9/2015: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhận được hồ sơ.

+ Ngày 29/9/2015: Trung tâm ra Quyết định về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng.

+ Theo Phiếu xác nhận có ký đóng dấu của TAND tỉnh: ngày 29/9/2015 – đọc hồ sơ, lập Giấy chứng nhận bào chữa; ngày 30/9/2015 – tham dự phiên tòa; ngày 20/10/2015 – sao lục bản án Phúc thẩm (giữ nguyên án sơ thẩm).

+ Hồ sơ không có: Giấy chứng nhận bào chữa, bài bào chữa; không có Phiếu đánh giá. Bản án không thể hiện vai trò của Trợ giúp viên pháp lý.

- Hồ sơ DS.TT.CN-LT.055/2015:

Trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn (tranh chấp lối đi bất động sản liền kề). Tòa án đình chỉ giải quyết vì nguyên đơn rút đơn nhưng hồ sơ lưu không thể hiện nguyên nhân rút.

- Hồ sơ DS.TT.TT.026/2016:

Án phúc thẩm hủy án sơ thẩm về đình chỉ do thương lượng giữa các bên nhưng không lưu kết quả thỏa thuận làm căn cứ đánh giá trợ giúp pháp lý.

- Hồ sơ HS.TT.TT.09/2016:

+ *Giấy chứng nhận bào chữa của Tòa án xóa ngày, tháng.*

+ *Phiếu xác nhận thời gian làm việc ghi ngày 11/4/2016 – làm việc với bị cáo tại TAND tỉnh (có ký và đóng dấu của Tòa án), nhưng hồ sơ lưu thể hiện từ 09 giờ 15 phút đến 10 giờ 00 phút ngày 12/4/2016 – làm việc với bị cáo tại Trại tạm giam B5 – Công an tỉnh, Trung tâm thực hiện thanh toán 01 ngày (ngày 11/4/2016) là chưa phù hợp.*

- Hồ sơ ĐĐ.TT.CN-XL.038/2016:

Hồ sơ chỉ lưu các loại giấy tờ (photo) như: Đơn khởi kiện, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện do TAND cung cấp (đóng dấu treo của Tòa án).

- Hồ sơ HS.TT.042/2016:

Trường hợp Trợ giúp pháp lý này do Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Chi nhánh số 3 chuyển đến trên cơ sở yêu cầu của vợ bị can (không có đơn yêu cầu kèm theo) nhưng Trợ giúp viên pháp lý ra Quyết định cử lại căn cứ đơn yêu cầu của bị can.

5.2. Hoạt động tư vấn pháp luật

- Nhiều hồ sơ tư vấn pháp luật trong Đơn yêu cầu Trợ giúp pháp lý và Phiếu Trợ giúp pháp lý ghi đối tượng là người có công, hộ nghèo, người mù ... nhưng không có tài liệu chứng minh (*Hồ sơ bà Nguyễn Thị Nhi - 3/2016, ông Nguyễn Văn Tùng - 3/2016*).

5.3. Hoạt động đại diện ngoài tố tụng

Một số trường hợp sau khi thực hiện đại diện ngoài tố tụng, Trợ giúp viên pháp lý không có bản báo cáo về những công việc đã thực hiện trong phạm vi đại diện ngoài tố tụng của người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Khoản 4, Điều 43 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 (*như Hồ sơ: ông Vũ Văn Khải - 10/2015, bà Dương Thị Sớm - 20/2015, ông Nguyễn Đức Ty - 47/2015*).

5.4. Hoạt động nghiệp vụ khác

- Trợ giúp pháp lý lưu động cho hội viên Hội người mù huyện Trảng Bom năm 2016: Không có báo cáo kết quả đợt trợ giúp pháp lý lưu động (*chỉ báo cáo lồng ghép trong Báo cáo tháng của Chi nhánh*).

- Trợ giúp pháp lý lưu động tại xã Sông Thao (*huyện Trảng Bom*) của Trung tâm trợ giúp pháp lý:

+ *Phiếu thực hiện trợ giúp pháp lý do Trợ giúp viên Lê Minh Tuấn thực hiện: không có nội dung yêu cầu và tư vấn nhưng người được trợ giúp và người thực hiện trợ giúp pháp lý ký, ghi họ, tên.*

+ *Không có báo cáo kết quả đợt trợ giúp pháp lý lưu động (chỉ báo cáo lồng ghép trong Báo cáo tháng của Chi nhánh).*

- *Trợ giúp pháp lý lưu động cho Hội người mù huyện Thống Nhất:*

Trợ giúp viên Bùi Thị Mai hướng dẫn, giải thích pháp luật về người cao tuổi và người khuyết tật không phù hợp với quy định pháp luật (theo Luật Người cao tuổi thì người cao tuổi phải từ đủ 60 trở lên mới được hưởng trợ cấp, theo quy định Luật Người khuyết tật quy định muốn hưởng trợ cấp hàng tháng cho người chăm sóc người khuyết tật cao tuổi thì phải đáp ứng 02 điều kiện: người khuyết tật phải là người khuyết tật nặng và người khuyết tật đó phải từ đủ 60 tuổi trở lên).

- *Về sinh hoạt Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý:*

Trung tâm đã xây dựng kế hoạch sinh hoạt Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý và thực hiện báo cáo kết quả triển khai theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, các Nghị định hướng dẫn thi hành và Quyết định số 03/2008/QĐ-BTP ngày 28/02/2008 của Bộ Tư pháp ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý (năm 2015: Kế hoạch số 246/KH-TGPL ngày 04/12/2014, Báo cáo số 17/BC-TGPL ngày 22/01/2016; năm 2016: Kế hoạch số 20/KH-TGPL ngày 22/01/2015, Báo cáo số 26/BC-TGPL ngày 19/01/2017). Trong quá trình triển khai thực hiện, một số Chi nhánh không xây dựng Kế hoạch riêng mà thực hiện lồng ghép trong Kế hoạch do Chi nhánh tham mưu UBND huyện trong công tác hoạt động Trợ giúp pháp lý (như năm 2016: có Chi nhánh Trợ giúp pháp lý huyện Cẩm Mỹ, Long Khánh, Thống Nhất xây dựng Kế hoạch riêng, không lồng ghép), thực hiện báo cáo kết quả lồng ghép vào báo cáo định kỳ của các Chi nhánh. Bên cạnh đó, một số Chi nhánh ghi chép Biên bản Sinh hoạt Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý không đầy đủ các nội dung về thời giờ, thiếu sót các chữ ký xác nhận của người tham gia. Qua kiểm tra hồ sơ, thực tế các Chi nhánh không triển khai sinh hoạt định kỳ đầy đủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quyết định số 03/2008/QĐ-BTP ngày 28/02/2008 của Bộ Tư pháp “*Câu lạc bộ sinh hoạt theo định kỳ ít nhất 1 lần/1 tháng*”.

+ Trong năm 2015, theo báo cáo của Chi nhánh TGPL các huyện, thị xã Long Khánh đã hướng dẫn các Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý trên địa bàn hoạt động theo kế hoạch sinh hoạt Câu lạc bộ của từng chi nhánh. Tổ chức được 154 buổi sinh hoạt câu lạc bộ, có 4.051 lượt người tham gia sinh hoạt. Nội dung các buổi sinh hoạt với các chuyên đề pháp luật về hôn nhân gia đình, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, pháp luật về đất đai, an toàn giao thông, pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự, dân sự và tố tụng dân sự ...

+ Trong năm 2016, Chi nhánh TGPL các huyện Cẩm Mỹ, Long Khánh, Trảng Bom, Thống Nhất, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, Long Thành phối hợp với Ban chủ nhiệm các Câu lạc bộ TGPL tổ chức, hướng dẫn được 153 buổi sinh hoạt câu lạc bộ TGPL với 4115 người tham dự, tư vấn trực tiếp 03 vụ việc (Đạt 100% kế hoạch).

IV. Nhận xét và kết luận

1. Nhận xét

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai đã cung cấp hồ sơ liên quan đến quá trình thành lập và tổ chức, hoạt động của Trung tâm; Trung tâm đã lập sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ và thực hiện hạch toán kế toán theo quy định, đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về lao động đối với viên chức, người lao động đang làm việc tại Trung tâm và các Chi nhánh. Trung tâm có trụ sở văn phòng, cơ sở vật chất, các trang thiết bị cần thiết để làm việc và hoạt động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Trung tâm còn một số sai sót, hạn chế cần phải khắc phục như sau:

- Việc thực hiện chế độ quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước do ngân sách cấp chưa phù hợp các quy định của pháp luật.

- Chưa đảm bảo về thời hạn khi ban hành quyết định cử Trợ giúp viên tham gia tố tụng theo quy định tại Khoản 1, Điều 39 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006.

- Chưa thực hiện đúng việc lập, ghi chép sổ sách, lưu trữ hồ sơ theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/09/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

- Thực hiện tư vấn pháp luật chưa phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; chưa chú trọng đến chất lượng các vụ việc trợ giúp pháp lý; chưa thể hiện được vai trò của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý chưa được chú trọng và còn mang tính hình thức.

2. Kết luận

Trung tâm được thành lập, tổ chức hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, Trung tâm đã lập sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ và thực hiện Trung tâm đã lập sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ và thực hiện hạch toán kế toán theo quy định; đã thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo.

Đa số các hồ sơ cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật có liên quan.

Ngoài những ưu điểm trong tổ chức và hoạt động, Trung tâm còn một số sai sót, hạn chế như đã nêu.

V. Kiến nghị

1. Giám đốc Sở Tư pháp

- Chỉ đạo Phòng Bổ trợ Tư pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý nhằm giúp lãnh đạo Sở theo dõi, kịp thời nắm bắt những tồn tại để đề ra những giải pháp quản lý nhà nước hữu hiệu đối với hoạt động trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Phòng Bổ trợ Tư pháp thực hiện nghiêm việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo Kế hoạch hàng năm của Sở Tư pháp.

- Đối với việc chi biên soạn tài liệu tuyên truyền pháp luật sai định mức quy định, do Trung tâm đã chỉ cho người trực tiếp biên soạn và đến nay một số người được hưởng đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác nên kiến nghị Giám đốc xem xét không truy thu số tiền trên. Tuy nhiên, kiến nghị Giám đốc chỉ đạo Trung tâm và các cá nhân liên quan để xảy ra sai phạm phải nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm.

- Chỉ đạo Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thực hiện xuất toán các khoản chi sai nộp ngân sách Nhà nước:

+ Đối với các khoản chi sai cho hoạt động đề nghị lấy nguồn kinh phí nộp trả

+ Đối với sử dụng kinh phí chi cho con người dùng để chi trả thu nhập tăng thêm, chờ hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Phòng Bổ trợ Tư pháp

- Thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

- Thực hiện việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo Kế hoạch hàng năm của Sở Tư pháp.

3. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai

- Yêu cầu Giám đốc Trung tâm khắc phục các sai sót liên quan đến việc thực hiện các quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành như đã nêu trên.

- Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trung tâm theo đúng Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; định kỳ hàng năm tổ chức Hội nghị viên chức để đánh giá tổng kết hoạt động của Trung tâm theo quy định.

- Xây dựng dự toán chi các nhiệm vụ trong năm gửi đơn vị cấp trên và cơ quan tài chính thẩm định; nghiên cứu và bám sát vào quy định của nhà nước về tài chính để thực hiện chi cho phù hợp.

- Kiểm điểm vai trò, trách nhiệm của các viên chức, nhân viên có liên quan trong việc để xảy ra các sai sót, làm rõ trách nhiệm đối với từng cá nhân; đề xuất biện pháp xử lý theo quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Giám đốc Trung tâm tổ chức thực hiện Kết luận này, báo cáo tiến độ và kết quả cho Thanh tra Sở trước ngày 26/9/2017./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Tư pháp;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTR, BTTP.

CHÁNH THANH TRA



Mỗ Thị Xuân Đào
Mỗ Thị Xuân Đào

